

**CÔNG TY TNHH DOLCLEAN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DOLCLEAN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOLCLEAN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DOLCLEAN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109804873

**3. Ngày thành lập:** 05/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P601, tầng 6, tòa nhà Sky City Tower A, số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.73000096

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác (máy móc, thiết bị xử lý về môi trường, không khí, chất thải, nước, nước thải; vật liệu lọc nước, cát lọc, than hoạt tính, hạt trao đổi ion, vật liệu hấp phụ)<br>-Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường, thí nghiệm | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;</li> <li>- Bán buôn bình đun nước nóng;</li> <li>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;</li> <li>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.</li> </ul> <p>Các loại vật tư, linh kiện, thiết bị có liên quan</p> | 4663        |
| 6.  | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và loại nhà nước cấm);</li> <li>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, các sản phẩm nhựa composite, các loại bồn chứa, ống, keo dán, tấm nhựa</li> <li>- Bán buôn cao su;</li> <li>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: các chất tẩy rửa</li> <li>- Muối công nghiệp, muối tẩy rửa</li> </ul>                                                                         | 4669        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 8.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 9.  | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước....;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7120        |
| 10. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Tư vấn về môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường</li> <li>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7490        |
| 11. | <p>Sản xuất hoá chất cơ bản</p> <p>Chi tiết: Sản xuất chất tẩy uế, tẩy rửa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2011(Chính) |
| 12. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2013        |
| 13. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2023        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2029        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; tẩy rửa cầu cạn, tẩy rửa đường ống, thiết bị, dây chuyền, hệ thống...<br>- Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi;<br>- Vệ sinh máy móc công nghiệp;<br>- Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng;<br>- Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.     | 8129 |
| 16. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: các vật liệu lọc nước, cát lọc, than hoạt tính, hạt trao đổi ion, vật liệu hấp phụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3290 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3319 |
| 18. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3600 |
| 19. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3700 |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222 |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4229 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Sơn véc ni và sơn bóng<br>- Bán lẻ bình đun nước nóng;<br>- Bán lẻ thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác.<br>Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...<br>- Các loại bồn bể chứa công nghiệp và dân dụng, thiết bị cấp thoát nước; xử lý nước; xử lý môi trường, chất thải, thiết bị ngành nước và lọc nước<br>Các loại vật tư, linh kiện, thiết bị có liên quan | 4752 |
| 24. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761 |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ VĂN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 07/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038076009458

Ngày cấp: 09/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 8B ngách 72/109 phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8B ngách 72/109 phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội